

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN
TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
(BAN HÀNH LẦN 2)

Cà Mau, ngày 09 tháng 05 năm 2011

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN
TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
(BAN HÀNH LẦN 2)

Cà Mau, ngày 09 tháng 05 năm 2011

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 09 tháng 5 năm 2011

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN

TRẦN NGỌC HY CÀ MAU

**(Ban hành lần 2, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ 7
ngày 7/5/2011)**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/06/1999;

- Căn cứ Nghị định 187/2004/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16/11/2004 về việc chuyển Công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-CTUB, ngày 01/10/2004 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cổ phần hóa Xí nghiệp In Trần Ngọc Hy;

- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ - in Trần Ngọc Hy Cà Mau được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 07/5/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau,

Công ty Cổ phần dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (Điều lệ sửa đổi bổ sung lần 2). Bản điều lệ này (cùng các phụ lục của điều lệ, các văn bản sửa đổi Điều lệ nếu có là một phần không tách rời của Điều lệ); các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật là các quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ.

Trong điều lệ này, trừ trường hợp điều khoản cụ thể của điều lệ có quy định khác, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “*Pháp luật*” là các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành từ từng thời điểm.

2. “*Luật doanh nghiệp*” là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.

3. “*Ngày thành lập*” là ngày mà Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. “*Vốn điều lệ*” là vốn góp của cổ đông tại từng thời điểm, được ghi nhận tại Điều lệ công ty và đăng ký với cơ quan cấp phép kinh doanh.

5. “Cổ đông” là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào có sở hữu cổ phần của Công ty và được đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty hoặc được lưu ký ở các Công ty chứng khoán theo những điều kiện qui định có liên quan.

6. “Cổ đông sáng lập” là các cổ đông trong danh sách tại phụ lục của Điều lệ, do Đại hội đồng cổ đông thành lập quyết định và phải hội đủ các điều kiện sau:

a)- Không phải là đối tượng quy định tại Điều 9 của Luật Doanh nghiệp;

b)- Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 30 tháng 9 năm 2005;

c)- Sở hữu tối thiểu 20.000 cổ phần phổ thông của Công ty và tổng số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của các cổ đông sáng lập chiếm ít nhất 20% vốn điều lệ ban đầu.

7. “Cổ phần phổ thông” là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.

8. “Cổ đông phổ thông” là người sở hữu cổ phần phổ thông.

9. “Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại” là các loại cổ phần được định nghĩa theo như quy định tương ứng tại các Điều 55, Điều 56, Điều 57 Luật Doanh nghiệp.

10. “Cổ đông có quyền dự họp đại Hội đồng cổ đông”: gọi tắt là “Cổ đông có quyền dự họp” là cổ đông có sở hữu hay đại diện cho một tổ chức hoặc nhiều cổ đông có sở hữu ít nhất bằng 0,5% số cổ phần phổ thông của Công ty.

11. “Nhóm cổ đông” là tập hợp nhiều cổ đông để có đủ điều kiện giới thiệu thành viên vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát.

12. “Ban quản lý điều hành” là bao gồm Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó giám đốc.

13. “Nhân viên quản lý” là các thành viên quản lý theo chức năng ở Công ty bao gồm: Kế toán trưởng, trưởng các phòng chức năng, phân xưởng trưởng, trưởng chi nhánh, cửa hàng trưởng và các chức danh tương đương khác.

14. “Công nhân” là người trực tiếp sản xuất hay thực hiện các dịch vụ kinh doanh dưới sự điều hành trực tiếp của nhân viên quản lý (hoặc tổ trưởng).

15. “Nhân viên thừa hành” là những nhân viên lao động gián tiếp, làm việc dưới sự điều hành trực tiếp của nhân viên quản lý (hoặc tổ trưởng).

16. “Những người liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 14 Điều 3 của Luật Doanh nghiệp.

Trong điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất kỳ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ.

Điều 2: Tên, hình thức hoạt động, địa chỉ của Công ty :

1. Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau**

Tên giao dịch quốc tế: TRAN NGOC HY CAMAU PRINTING SERVICE
JOINT- STOCK COMPANY

Tên viết tắt : Công ty In Cà Mau (CAMAU PRINCO)

2. Hình thức hoạt động: Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và có tư cách pháp nhân độc lập hoạt động theo luật doanh nghiệp.

3. Địa chỉ của Công ty:

a) Trụ sở chính của Công ty:

- Địa điểm: Trụ sở công ty được đặt tại số 98, đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Số điện thoại: (0780) 831628 ; fax : (0780) 833433

b) Công ty có cơ sở sản xuất tại số 98, đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

c) Công ty có thể thành lập các Chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước Việt Nam để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Thời hạn hoạt động của Công ty .

Thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm, bắt đầu từ ngày thành lập. Thời hạn hoạt động này có thể được rút ngắn hoặc gia hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty .

1. Mục tiêu: Công ty thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, nhằm huy động vốn từ các thành phần kinh tế và cá nhân để phát triển doanh nghiệp; sử dụng vốn, tài sản có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước bằng các khoản thuế.

2. Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in và các dịch vụ hỗ trợ khác.

3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty có thể tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép sau khi đăng ký với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty .

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty là đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng-quản trị và Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhưng phải có ý kiến thống nhất của các cổ đông sở hữu trên 50% cổ phần phổ thông. Nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của các chức danh này theo qui định của Điều lệ và pháp luật.

4. Phó Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; nhân viên quản lý do Giám đốc đề nghị, Hội đồng quản trị bổ nhiệm; các chức danh khác như: tổng trưởng, thủ quỹ, kế toán viên... do giám đốc quyết định. Nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của các chức danh này do Giám đốc xây dựng thành qui chế với sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.

5. Cấp nào bầu hoặc bổ nhiệm chức danh được nêu ở khoản 3 và 4 trong điều này thì cấp đó mới có quyền bãi nhiệm các chức danh đó, trừ các trường hợp đã được qui định cụ thể trong Điều lệ này.

6. Hội đồng quản trị, cấp Phòng hoặc tương đương và cấp Tổ không bố trí nhân sự cấp phó, khi cần người xử lý công việc thay sẽ thực hiện theo cơ chế ủy quyền.

Điều 6: Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị- xã hội khác .

Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó. Công ty thừa nhận và tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động trong Công ty.

**Chương II.
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

Điều 7: Quyền của Công ty.

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư (kể cả liên doanh, liên kết, mua cổ phần, mua tài sản của các doanh nghiệp khác) và quy mô kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động tổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị thành viên phù hợp mục tiêu nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

4. Chủ động đổi mới công nghệ và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

5. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

6. Quyết định giá mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.

7. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả kinh doanh, và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật.

9. Được đặt Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước, ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và quy định của Nhà nước.

11. Sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi nhuận.

12. Phát hành, chuyển nhượng, bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.

13. Có quyền định đoạt đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty.

14. Được thế chấp, cầm cố giá trị quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

15. Lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

16. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và những ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước.

17. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty.

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.

3. Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác kinh doanh.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và phòng cháy nổ”

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, chế độ thống kê, chế độ kiểm toán, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.

8. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đối với các khách hàng và các chủ nợ trong phạm vi tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình.

11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Chương III.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 9: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ qui đổi, được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam.

2. Vào ngày ban hành Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 5.200.000.000 đồng (bằng chữ : Năm tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

3. Vốn điều lệ của công ty phải được góp đủ theo đúng thủ tục và tiến độ đã quy định. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông hoặc

Hội đồng quản trị quyết định theo qui định của Điều lệ và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định không trái với pháp luật.

Điều 10: Cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ trên của Công ty được chia thành 520.000 cổ phần bằng nhau. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng Việt Nam).

2. Tất cả các cổ phần của Công ty tại thời điểm ban hành điều lệ này là Cổ phần phổ thông.

3. Công ty có quyền xác lập và phát hành các loại cổ phần ưu đãi (*khác*) phù hợp với quy định của pháp luật. Việc phát hành cổ phần ưu đãi do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 11: Cổ phiếu

1. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ. Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty, ghi rõ số lượng cổ phần và loại cổ phần, họ tên người sở hữu (nếu là cổ phiếu ghi tên) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Tất cả các cổ phiếu phát hành phải ghi tên. Khi Công ty phát hành cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán, hoặc khi cổ đông đã ký hợp đồng bán cổ phần thông qua Công ty chứng khoán thì sẽ được phát hành hoặc chuyển đổi từ cổ phần ghi tên thành loại cổ phần không ghi tên.

4. Khi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sử dụng quyền sở hữu các cổ phiếu phổ thông không ghi tên của mình để giới thiệu người đại diện và được tín nhiệm vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thì các cổ phiếu này phải được chuyển thành cổ phiếu ghi tên.

5. Bất kỳ cổ đông nào cũng sẽ được cấp miễn phí cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (trong trường hợp công ty áp dụng hình thức cổ phiếu là bút toán ghi sổ) trong vòng 30 ngày kể từ khi mua hoặc khi nhận chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

6. Nếu cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông bị hư hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, hoặc bị tiêu hủy, Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty cấp cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận thay thế và phải nộp phí theo quy định của Hội đồng quản trị.

7. Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên sẽ chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản cổ phiếu. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.

Điều 12 : Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần của Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và Pháp luật qui định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được lập văn bản và phải đăng ký với Công ty mới có hiệu lực xác định quyền sở

hữu của cổ đông, trừ trường hợp chuyển nhượng thông qua trung gian thị trường chứng khoán thì căn cứ vào qui định của thị trường chứng khoán.

2. Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào phù hợp với pháp luật. Cổ phần được Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép.

Điều 13: Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp một cổ đông cá nhân qua đời, Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo quy định của pháp luật; nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi các trách nhiệm về tài sản liên quan đến cổ phần của người này. Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất, bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế. Cổ phần thừa kế có thể được tách riêng cho những người thừa kế theo yêu cầu của tất cả những người này và họ phải trả phí theo quy định của Công ty.

2. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, thì tổ chức/ pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.

3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Trừ khi pháp luật quy định khác, trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau hai năm kể từ ngày cổ đông qua đời, cổ phần của họ sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng quản trị quyết định giá trị của những cổ phần này theo giá trị thị trường.

Điều 14: Phát hành cổ phiếu

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Bất kỳ cổ phần mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện thời theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ vào thời điểm đó. Công ty phải thông báo việc chào bán cho các cổ đông, nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) để cổ đông đặt mua. Số cổ phần nào không được các cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 15: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một số cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền chưa trả cùng với lãi suất bằng lãi tiền vay quá hạn lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh của Công ty do việc không thanh toán này gây ra.

2. Thông báo trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trong trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu yêu cầu thanh toán trên không được thực hiện trong thời hạn thông báo, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa được thanh toán theo thông báo và cổ tức tương ứng được công bố nhưng chưa chi trả (nếu có). Quyết định về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được chào bán hoặc xử lý theo phương thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG

Điều 16: Quyền của cổ đông

Cổ đông sáng lập là thành viên tham gia sáng lập công ty cổ phần theo qui định là những người trúng cử vào HĐQT nhiệm kỳ đầu tiên nhưng phải phù hợp với khoản 6, Điều 1 của Điều lệ này.

Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

1. Được nhận cổ tức tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu.
2. Được nhận thưởng bằng cổ phần tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu.
3. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định của điều lệ này và quy định pháp luật.
4. Được cầm cố cổ phiếu để bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của mình theo quy định của pháp luật và của điều lệ này.
5. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mình khi công ty phát hành thêm cổ phần;
6. Về nguyên tắc, tất cả các cổ đông đều có quyền dự họp. Tuy nhiên, do giới hạn về hội trường và các vấn đề khác có liên quan đến công tác tổ chức Đại hội, nên các cổ đông có sở hữu thấp hơn 0,5% cổ phần phổ thông thì phải tập hợp nhiều cổ đông để có sở hữu từ 0,5% cổ phần phổ thông và cử đại diện làm cổ đông có quyền dự họp.

Cổ đông có quyền dự họp được tham gia Đại hội đồng cổ đông, được biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông; được thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty theo qui định của pháp luật, được kiểm tra thông tin danh sách cổ đông, đồng thời được yêu cầu sửa đổi các thông tin này nếu thấy chưa chính xác.

7. Trong trường hợp công ty chấm dứt hoạt động theo điều 41 của Điều lệ này, được chia tài sản của công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ khác;

8. Được yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật doanh nghiệp;

9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Cổ đông sở hữu hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông được giới thiệu 01 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, nếu chưa giới thiệu hoặc đã giới thiệu nhưng không trúng cử vào Hội đồng quản trị thì được giới thiệu 01 ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% số cổ phần phổ thông được quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và tối đa 02 ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến 70% số cổ phần phổ thông được quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và tối đa 03 ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 70% số cổ phần phổ thông được quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và tối đa 03 ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

11. Cổ đông sở hữu hoặc nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có quyền:

a. Đề xuất các vấn đề trong nội dung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông;

b. Yêu cầu xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Yêu cầu triệu tập hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi:

- Có dấu hiệu bất thường trong hoạt động tài chính hoặc trong hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Ban quản lý điều hành, Ban kiểm soát, nhân viên quản lý có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty và lợi ích của cổ đông;

- Các trường hợp cần thiết khác.

d. Yêu cầu ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề liên quan đến quản trị, quản lý và điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

e. Các quyền khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17: Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán tiền mua cổ phiếu theo quy định và thủ tục do Hội đồng quản trị yêu cầu.

2. Tuân thủ điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.

4. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty;

6. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này và pháp luật quy định.

Điều 18: Đại diện và ủy quyền.

1. Cổ đông là pháp nhân/tổ chức phải cử người làm đại diện, do người có thẩm quyền của pháp nhân/tổ chức đó quyết định.

2. Cổ đông là tổ chức, cá nhân hoặc nhóm cổ đông có thể cử người làm đại diện để tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

3. Người đại diện theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để tham gia vào các vấn đề của công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

4. Văn bản cử người làm đại diện ở khoản 1 và 2 trên phải là văn bản không xác định thời hạn, chỉ hết hiệu lực khi có văn bản mới thay thế hay theo qui định của pháp luật. Khi văn bản cử người làm đại diện theo khoản 1 và 2 còn hiệu lực, thì mọi vấn đề liên quan đến cổ đông, Công ty chỉ liên hệ với người đại diện, người đại diện có đủ các quyền và nghĩa vụ như người sở hữu cổ phần, ngoại trừ các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc định đoạt quyền sở hữu của các cổ phần mà mình đại diện.

5. Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo các quy định sau và những quy định khác của Hội đồng quản trị :

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó hoặc ký thay mặt bởi luật sư của họ.

b) Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc ký thay mặt bởi luật sư hay người đại diện được ủy quyền hợp lệ của pháp nhân/ tổ chức đó.

c) Trường hợp thư chỉ định đại diện được ủy quyền của cổ đông được ký thay mặt thì phải được kèm theo văn bản xác định tư cách hợp pháp của người được ký thay mặt hoặc một bản sao có xác nhận hợp lệ của văn bản này.

Chương V ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19: Đại hội đồng cổ đông :

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận;

b) Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Thông qua kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của công ty;

- e) Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm đối với mỗi loại cổ phần;
- f) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- g) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần và xử lý cổ phần ngân quỹ;
- h) Quyết định việc phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu;
- i) Quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty;
- j) Quyết định việc tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất công ty, hoặc tham gia liên doanh;
- k) Quyết định việc chấm dứt hoạt động, giải thể, thanh lý công ty và quyết định việc thành lập Hội đồng thanh lý công ty;
- l) Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát;
- m) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát và phê chuẩn việc bổ nhiệm Giám đốc của Hội đồng quản trị;
- n) Kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị xử lý các vi phạm của Ban quản lý điều hành, Ban kiểm soát và nhân viên quản lý gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- o) Ấn định mức thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát;
- p) Quyết định các giao dịch mua, bán hoặc đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty;
- q) Quyết định việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;
- r) Quyết định việc Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời là Giám đốc của Công ty hay không;
- s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và các qui định khác của Điều lệ này cũng như những vấn đề mới phát sinh thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Ngoài ra, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau :
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, đặc biệt trong trường hợp các kiểm toán viên độc lập (nếu có) thông báo cần triệu tập Đại hội đồng cổ đông để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của công ty.
 - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo hàng quý hoặc hàng tháng cho thấy công ty đã bị thiệt hại một nửa số vốn điều lệ.
 - c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu được quy định trong khoản 3 Điều 24 và khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này.
 - d) Nhận được yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ hơn 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục tối thiểu 6 tháng. Yêu cầu

triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có chữ ký của tất cả các thành viên có yêu cầu triệu tập.

e) Nhận được yêu cầu của trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 số thành viên ban kiểm soát. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có chữ ký của tất cả các cổ đông có yêu cầu triệu tập.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày những hiện tượng nêu trong điểm 2a, 2b, hoặc 2c xảy ra hoặc từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 2d hoặc 2e trên đây.

Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông nêu tại khoản 1 và 2 của Điều này, thành viên Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 số thành viên Ban kiểm soát phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

4. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những chi phí này sẽ không bao gồm các chi phí mà cổ đông phải chịu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, trong đó bao gồm chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời đến từng cổ đông có quyền dự họp đăng ký trong sổ cổ đông của Công ty, nếu cổ phiếu của Công ty có mua bán qua trung gian các Công ty chứng khoán thì phải có thông báo họp Đại hội đồng cổ đông trên thông tin đại chúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21: Thể thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

1. Thông báo hoặc thư (gửi qua bưu chính, fax hoặc email theo địa chỉ cổ đông đã đăng ký) mời họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ thời gian, địa điểm, chương trình, các vấn đề cần thảo luận, biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng.

2. Việc đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 11 Điều 16 của Điều lệ phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho người triệu tập ít nhất 7 ngày trước ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên các cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung các vấn đề đề xuất đưa vào chương trình họp. Khi nhận được đề xuất, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải đưa nội dung đó vào chương trình họp.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 2 của điều này, nếu :

a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phiếu phổ thông trong một thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.

c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.

d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 19 của điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp không do Hội đồng quản trị triệu tập, phải dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền bổ sung chương trình họp phát sinh theo Khoản 2, Điều 21 của Điều lệ này, ngoài ra chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được công bố trước trong thông báo hoặc thư mời họp.

Điều 22: Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng thì ủy quyền lại cho một trong các thành viên của Hội đồng quản trị. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không do Chủ tịch hội đồng quản trị triệu tập, thì người triệu tập có trách nhiệm chủ trì cuộc họp hoặc có thể do Đại hội đồng cổ đông đề cử người chủ trì cuộc họp.

2. Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự, lập danh sách các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ghi rõ số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện). Việc đăng ký phải được tiến hành tiếp tục cho đến khi bảo đảm đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Nếu có văn bản liên quan đến người đại diện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 18 hoặc văn bản liên quan đến cử đại diện cổ đông có quyền dự họp thì phải được gửi trước cho người triệu tập Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 ngày trước ngày dự định khai mạc cuộc họp; văn bản liên quan đến ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được trình cho Ban tổ chức trước 30 phút khi cuộc họp khai mạc.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu thư ký (hoặc Ban thư ký) và Ban giám sát bầu cử theo đề cử của chủ tọa.

4. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành đúng giờ qui định khi số cổ đông, đại diện và người được ủy quyền có mặt đại diện cho ít nhất 51% cổ phần phổ thông. Sau giờ dự định khai mạc, Đại hội đồng cổ đông có thể khai mạc bất cứ lúc nào khi đạt yêu cầu qui định trên. Sau 60 phút, tính từ thời điểm dự định khai mạc theo thông báo hoặc thư mời, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành và sẽ không phụ thuộc vào số lượng cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp, nhưng vẫn có quyền quyết định một cách hợp lệ tất cả các vấn đề như Đại hội đồng cổ đông có mặt đầy đủ theo qui định.

5. Cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp đó để đợi họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 23: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và biên bản cuộc họp.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp chấp thuận.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, việc tổ chức lại, giải thể công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty, đầu tư vào các dự án với tổng số vốn mà công ty tham gia đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi sổ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp chấp thuận.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận (tỷ lệ tùy thuộc vào nội dung vấn đề cần thông qua nghị quyết tương ứng theo khoản 2 và 3 nêu trên) và theo các thủ tục quy định tại khoản 5 của Điều này.

5. Người có trách nhiệm triệu tập cuộc họp có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Quyết định các vấn đề để xem xét, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ này và pháp luật.

b) Gửi các tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến, trong đó quy định thời hạn phải gửi ý kiến lại cho công ty, cùng với tất cả các văn bản cần thiết khác để các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền có thể ra quyết định của mình.

c) Quyết định kết quả lấy ý kiến và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi lại ý kiến.

6. Nghị quyết được ban hành theo quyết định bằng văn bản theo khoản 4 của Điều này có giá trị ngang với nghị quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hoặc cổ đông bất đồng ý kiến hay không tham gia ý kiến.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

9. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông cho các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và lưu tại văn thư Công ty ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này là những bằng chứng cuối cùng về công việc được tiến hành tại phiên họp Đại hội đồng. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và phải được lập phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông, đại diện và người được ủy quyền dự họp phải được lưu giữ tại văn thư trụ sở chính của Công ty.

Chương VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm có 5 người, số lượng Hội đồng thành viên có thể thay đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải luôn có ít nhất 1/3 số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm, các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại sau khi hết nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp Hội đồng quản trị khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải họp bầu ra chủ tịch Hội đồng quản trị mới trong vòng 30 ngày. Trường hợp Hội đồng quản trị khuyết hơn 1/3 thành viên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền hay đại diện thành viên Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung các thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết trong vòng 30 ngày.

Điều 25: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có sở hữu hoặc đại diện cho tổ chức, cá nhân hay nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông.

b) Có lí lịch trích ngang thể hiện đầy đủ những nội dung cơ bản như sau: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tình trạng sức khỏe; tóm tắt cơ bản về quá trình làm việc đã qua và kèm theo các bằng sao bằng cấp, chứng chỉ (nếu có).

c) Không phải là đối tượng qui định tại điều 9 của Luật Doanh nghiệp.

d) Không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá 2 tổ chức kinh tế khác.

e) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và được đào tạo ở một trong các ngành như kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kỹ thuật ngành in hoặc các ngành tương tự khác; hoặc có kinh nghiệm ít nhất 5 năm về thực tiễn quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự hay quản trị về kỹ thuật đặc thù ngành in.

f) Có sức khỏe, đảm bảo được công việc theo chức năng; hiểu biết cơ bản về pháp luật; có nhân cách, phẩm chất đạo đức và được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm theo qui định của Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không còn là tư cách thành viên trong các trường hợp sau :

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của điều này.

b) Không còn tư cách pháp nhân làm đại diện để được bầu vào thành viên Hội đồng quản trị.

c) Vắng mặt liên tục 2 lần trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

d) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

e) Bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao; các khoản khoán chi phí phát sinh thường xuyên như chi phí đi lại dự họp Hội đồng quản trị, điện thoại quan hệ công việc Hội đồng... và được thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi được phân công hoặc khi thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm của Hội đồng, tùy theo tính chất và nội dung công việc, thành viên Hội đồng quản trị được Công ty thanh toán một phần hay toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí khác có liên quan nhưng phải dựa theo định mức trong qui chế về quản lý tài chính của Công ty (nếu có).

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể lập văn bản ủy quyền cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác nhưng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt để thay mình họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về hoạt động của người mình ủy quyền và có quyền lập văn bản bãi miễn bất cứ lúc nào. Người được ủy quyền đương nhiên không còn tư cách này nếu như người ủy quyền không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau :

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.

2. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có ủy quyền vì bất cứ lý do nào, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể đề cử 01 người trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian Chủ tịch vắng mặt nhưng không có ủy quyền.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Giám đốc công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, các khoản khoán chi phí phát sinh thường xuyên như chi phí đi lại dự họp Hội đồng quản trị, điện thoại quan hệ công việc Hội đồng... và được thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm giám đốc, được Công ty bố trí nơi làm việc, phương tiện quản lý hồ sơ; người giúp việc tạm thời để hỗ trợ các công việc trước, trong và sau các cuộc họp; những công cụ cần thiết khác để thực thi tốt nhiệm vụ theo chức năng.

Điều 27: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau :

- a) Quản lý và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật;
- b) Giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các nhân viên quản lý của Công ty;
- c) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- d) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- e) Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;
- f) Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban giám đốc và nhân viên quản lý; quyết định qui chế tuyển dụng, buộc thôi việc đối với công nhân và nhân viên thừa hành của Công ty phù hợp với Điều lệ này và qui định của pháp luật.
- g) Quyết định tiền lương, mức khen thưởng và xử phạt đối với các thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì mức thưởng của Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- h) Phê chuẩn quyết định chỉ định và bãi nhiệm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- i) Phê chuẩn các quyết định về vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường do Công ty thực hiện.
- j) Quyết định các giao dịch mua, bán hoặc đầu tư, huy động vốn có giá trị trong khoảng từ 20% đến 50% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán của công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 33 của Điều lệ này;
- k) Quyết định việc mua lại đến 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;
- l) Xem xét quyết định cho phép chuyển nhượng cổ phần đối với những trường hợp không chế quyền chuyển nhượng, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- m) Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty;
- n) Quyết định mức giá mua lại, hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- o) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hay giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn của mình;
- p) Chấp thuận báo cáo về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- q) Lập báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông;
- r) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định :
 - Kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của Công ty;
 - Các loại cổ phần của Công ty và tổng số cổ phần phát hành của từng loại;
 - Tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần hoặc xử lý cổ phần ngân quỹ;
 - Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
 - Phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

- Cơ cấu lại hoặc giải thể, sáp nhập, hợp nhất công ty, hoặc tham gia liên doanh;
 - Quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận;
 - Mức cổ tức được trả hàng năm đối với mỗi loại cổ phần.
3. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và các điều khoản khác của Điều lệ này.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các nhân viên quản lý đại diện và thay mặt công ty, trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 28: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên mỗi nhiệm kỳ phải được tổ chức trong vòng 30 ngày sau ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trước ngày dự kiến họp ít nhất 7 ngày làm việc.

Sau đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ 3 tháng một lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa hai kỳ họp không được quá 5 tháng.

2. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn khi bất kỳ người nào sau đây yêu cầu bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Giám đốc.
- c) 50% số thành viên Hội đồng quản trị
- d) Trưởng ban kiểm soát.
- e) 50% số thành viên Ban kiểm soát.

3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp trong vòng 2 tuần sau khi nhận được yêu cầu, những người yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị theo khoản 2 của Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Thông báo chương trình họp: Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian và địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết. Thông báo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 7 ngày trước ngày dự định họp.

5. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế.

6. Biểu quyết :

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền sẽ có 01 phiếu biểu quyết, trừ trường hợp không có quyền biểu quyết theo Khoản 5, Điều 33 của Điều lệ này.

b) Trong trường hợp các vấn đề đưa ra biểu quyết có liên quan tới lợi ích vật chất trực tiếp hay gián tiếp của một thành viên Hội đồng thì thành viên này phải công bố sự liên quan này, bản chất và nội dung của lợi ích này và sẽ không được tham gia biểu quyết nội dung đó.

c) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp đồng ý (bao gồm cả người được ủy quyền và thành viên vắng mặt có biểu quyết bằng văn bản). Trường hợp số phiếu bằng nhau, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.

7. Bỏ phiếu của thành viên vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Hội đồng quản trị ít nhất 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự định khai mạc cuộc họp.

8. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản có thể được ký bởi toàn thể thành viên Hội đồng :

a) Có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng.

b) Thỏa mãn được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp hội đồng.

c) Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng một số bản sao của một văn bản, nếu mỗi bản sao được ký bởi một hoặc nhiều thành viên. Các bản sao này có thể là bản fax.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, được lưu tại văn thư Công ty, là bằng chứng về các công việc đã tiến hành tại cuộc họp.

10. Những người được mời dự bổ sung: Giám đốc, các Nhân viên quản lý khác, kiểm soát viên độc lập và các chuyên viên khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi họ tự mình có quyền được biểu quyết với tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 29: Cơ cấu Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm theo hình thức bỏ phiếu kín. Ít nhất một thành viên Ban kiểm soát phải am hiểu nghiệp vụ tài chính kế toán. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các thành viên Ban kiểm soát phải bầu một người trong số họ là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ những tiêu chuẩn sau đây :

a) Không được là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

b) Không phải là vợ, chồng hoặc người thân thuộc trực hệ 3 đời của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

c) Có sở hữu hoặc do tổ chức, cá nhân hay nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông giới thiệu.

d) Có lí lịch trích ngang thể hiện đầy đủ những nội dung cơ bản như sau: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

tình trạng sức khỏe; tóm tắt cơ bản về quá trình làm việc đã qua và kèm theo các bảng sao bằng cấp, chứng chỉ (nếu có).

e) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và được đào tạo ở một trong các ngành như kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kỹ thuật ngành in hoặc các ngành tương tự khác; hoặc có kinh nghiệm ít nhất 5 năm về thực tiễn quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự hay quản trị về kỹ thuật đặc thù ngành in.

f) Có sức khỏe, đảm bảo được công việc theo chức năng; hiểu biết cơ bản về pháp luật; có nhân cách, phẩm chất đạo đức và được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm theo qui định của Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau :

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định khoản 3 của Điều này.

b) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

c) Bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d) Không tham gia các hoạt động kiểm soát theo chức năng liên tục trong 6 tháng hoặc không tham gia 2 lần liên tiếp các cuộc họp của Ban kiểm soát mà không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát.

5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm, trùng với nhiệm kỳ Thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban kiểm soát khuyết trên 2/3 số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày để bầu bổ sung.

Điều 30: Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản trị, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty.

2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 11, Điều 16 của Điều lệ này.

3. Thông báo định kỳ với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Tư vấn cho Hội đồng quản trị về việc chỉ định kiểm toán độc lập, xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan trong phạm vi kiểm soát nội bộ và kiểm toán.

5. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng kỳ của công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị .

6. Lập báo cáo về tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty và trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những báo cáo kết luận của mình.

7. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ cung cấp báo cáo, số liệu và những thông tin cần thiết cho công việc của mình.

8. Yêu cầu triệu tập và triệu tập Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 20 và Điều 28 của Điều lệ này.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

10. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp hoặc tư vấn pháp lý đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia độc lập bên ngoài công ty có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp vào các vấn đề của công ty nếu thấy cần thiết.

11. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao; các khoản khoản chi phí phát sinh thường xuyên như chi phí đi lại dự họp Ban kiểm soát, điện thoại quan hệ công việc liên quan chức năng kiểm soát... và được thưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

12. Khi được phân công hoặc khi thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm của Ban kiểm soát, tùy theo tính chất và nội dung công việc, thành viên Ban kiểm soát được Công ty thanh toán một phần hay toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí khác có liên quan nhưng phải dựa theo định mức trong qui chế về quản lý tài chính của Công ty (nếu có).

13. các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.

Chương VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc

1. Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Trường hợp Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Giám đốc phải có đủ những tiêu chuẩn sau :

a) Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 9 của Luật doanh nghiệp.

b) Có lí lịch trích ngang thể hiện đầy đủ những nội dung cơ bản như sau: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tình trạng sức khỏe; tóm tắt cơ bản về quá trình làm việc đã qua và kèm theo các bằng sao bằng cấp, chứng chỉ (nếu có).

c) Có trình độ cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh hay các ngành quản lý tương đương khác và có năng lực thực tiễn về quản lý kinh tế hay quản trị doanh nghiệp; hoặc đồng thời có trình độ cơ bản về các mặt: quản lý kinh tế, quản lý nhân sự, kỹ thuật ngành in và có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý kinh doanh ít nhất 5 năm trong ngành in.

d) Có sức khỏe, đảm bảo được công việc theo chức năng; có trình độ cơ bản về pháp luật; có nhân cách, phẩm chất đạo đức và được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm theo qui định của Điều lệ này.

3. Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 2 của Điều này.

b) Không thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Công ty.

c) Tự ý bỏ nhiệm vụ theo chức năng 5 ngày cộng dồn trong 1 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 1 năm mà không có lý do chính đáng. Dù có lý do chính đáng nhưng lại vắng mặt thường xuyên, không điều hành được hoạt động của Công ty một cách có hiệu quả thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét quyết định bãi nhiệm.

d) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm chính thức Giám đốc mới.

Điều 32: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc .

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty
2. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổ chức thực hiện các phương án kinh doanh và đầu tư của công ty.
5. Kiến nghị Hội đồng quản trị tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty và số lượng các nhân viên quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của công ty.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh dài hạn và kế hoạch hàng năm.
8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định của mình.
9. Từ chối thực hiện những quyết định của thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy những quyết định này trái pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các nhân viên quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình.
12. Ủy quyền cho các nhân viên quản lý khác thực hiện quyền hạn của mình.
13. Tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị và pháp luật.
14. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.
15. Căn cứ vào định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thống nhất, Giám đốc được quyền ký kết hợp đồng, quyết định quan hệ giao dịch mua, bán và đầu tư có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản theo sổ sách của Công ty ngoại trừ trường hợp đã được qui định tại Khoản 6, Điều 33 của Điều lệ này.
16. Được quyết định những biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn v.v... nhưng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm về các quyết định này.
17. Được hưởng tiền lương, thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động.
18. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IX

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và nhân viên quản lý khác thực hiện mọi quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán và có tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích hợp pháp của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc và nhân viên quản lý Công ty không được sử dụng chức vụ, quyền hạn hay các thông tin có được nhờ chức vụ, quyền hạn đó để chiếm đoạt những cơ hội kinh doanh mà lẽ ra nó có thể mang lại lợi ích cho Công ty hoặc sử dụng tài sản của Công ty nhằm mục đích thu lợi riêng cho bản thân, cho những người liên quan hay để phục vụ lợi ích cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, giám đốc và các nhân viên quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ lợi ích tiềm tàng có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty mà họ có thể có ở các pháp nhân kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy xét vấn đề này.

4. Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, nhân viên quản lý những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Các hợp đồng hoặc giao dịch của công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc những người có liên quan của họ hoặc bất kỳ công ty, hiệp hội, tổ chức nào khác mà những người trên là thành viên hoặc có lợi ích tài chính liên quan, chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

a) Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng có nghĩa vụ tuyên bố lợi ích liên quan và không có quyền biểu quyết về vấn đề này.

b) Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, nhân viên quản lý hoặc những người có liên quan của họ không được phép mua bán hoặc giao dịch các cổ phiếu của công ty hoặc của công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết được những thông tin này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc và nhân viên quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ trung thực hoặc không hoàn thành nhiệm vụ của mình do thiếu trách nhiệm sẽ phải chịu bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Chương X

CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 34: Công nhân viên

Giám đốc lập kế hoạch và quy chế để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các Nhân viên quản lý, nhân viên thừa hành và công nhân của công ty.

Chương XI

HẠCH TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 35: Năm tài chính.

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 36: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hồ sơ này phải chính xác, liên tục, có hệ thống và phải đủ độ tin cậy để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sẽ sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

4. Cuối niên độ kế toán, Hội đồng quản trị xem xét thông qua báo cáo kế toán sau đây :

- a) Bảng cân đối tài sản
- b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- c) Báo cáo luân chuyển tiền tệ
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo kế toán của Công ty có thể được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập theo chỉ định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố cho các Cổ đông và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các qui định của Pháp luật .

Điều 37: Quỹ dự trữ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) một khoản vào quỹ dự trữ theo qui định của Pháp luật. Khoản này không vượt quá 5% lãi sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 38: Quỹ phúc lợi và khen thưởng

Hàng năm công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi khen thưởng và hỗ trợ cho công nhân viên chức lao động và thực hiện công việc phúc lợi Công ty, mức trích cụ thể như sau:

- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt từ trên 0% đến 15%/năm, mức được trích bằng 5% so với lợi nhuận sau thuế.
- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt trên 15% đến 20%/năm, mức được trích bằng: 5% so với lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu + 10%(Tổng lợi nhuận sau thuế - lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu).
- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt trên 20% đến 25%/năm, mức được trích bằng: 5% so với lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu + 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng 5% vốn chủ sở hữu + 15% (Tổng lợi nhuận sau thuế - lợi nhuận sau thuế tương ứng 20% vốn chủ sở hữu).
- Nếu tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu đạt trên 25%/năm, mức được trích bằng: 5% so với lợi nhuận sau thuế tương ứng 15% vốn chủ sở hữu + 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng 5% vốn chủ sở hữu + 15% lợi nhuận sau thuế tương ứng 5% vốn chủ sở hữu + 15% (Tổng lợi nhuận sau thuế - lợi nhuận sau thuế tương ứng 25% vốn chủ sở hữu).

Trong đó vốn chủ sở hữu đã loại trừ khoản lợi nhuận chưa phân phối và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Đồng thời vốn chủ sở hữu được xác định theo nguyên tắc bình quân gia quyền theo thời gian sử dụng vốn trong năm.

Điều 39: Cổ tức.

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và qui định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lãi sau thuế của Công ty.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với Pháp luật, Hội đồng quản trị có thể tạm trả cổ tức trước khi hết năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng lãi sau thuế của Công ty.
3. Cổ tức phổ thông sẽ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền cổ phần đã thanh toán trong giai đoạn cổ tức được chi trả.
4. Việc chi trả cổ tức bằng các hình thức khác thay cho việc thanh toán bằng tiền mà không trái với Pháp luật do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Chương XII:

CON DẤU

Điều 40: Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định của Pháp luật và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền trước khi sử dụng.
2. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật.

Chương XIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 41: Chấm dứt hoạt động.

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau :

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động của công ty mà không tiếp tục gia hạn;
- b) Bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42: Thanh lý .

1. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng thanh lý gồm 3 thành viên để cùng với Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát thực hiện quy trình thanh lý công ty theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Hội đồng thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý.
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà công ty phải trả cho Nhà nước.
- d) Các khoản vay có bảo đảm (nếu có).
- e) Các khoản nợ khác của công ty.
- f) Khoản còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ các mục trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ đông ưu đãi được thanh toán.

Chương XIV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 43: Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:

- a) Cổ đông và công ty hoặc công ty cổ phần với các tổ chức cá nhân khác.
- b) Cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay nhân viên quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều

có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.

3. Các bên tranh chấp sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 44: Chi tiết về cổ đông sáng lập

1/ - Ông Hồ Thanh Hải - Sinh này: 15/7/1955
- CMND số: 380011837, cấp ngày 9/4/2002, tại công an tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: số 90B Quốc lộ 1A, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Đại diện cho 86.000 cổ phần thuộc sở hữu của Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Cà Mau.

2/ - Ông Lê Thanh Hải - Sinh này: 15/12/1965
- CMND số: 380753031, cấp ngày 14/3/2003, tại công an tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: số 171 Nguyễn Du, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Đại diện cho 70.000 cổ phần thuộc sở hữu của Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Cà Mau và 2.350 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân.

3/ - Ông Nguyễn Minh Hòa - Sinh này: 1956
- CMND số: 380008137, cấp ngày 15/3/1978, tại công an tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: số 135 Huỳnh Ngọc Diệp, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Sở hữu 3.000 cổ phần và đại cho 40.000 cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước.

4/ - Ông Lê Văn Khuôl - Sinh này: 20/10/1964
- CMND số: 380717762, cấp ngày 07/6/1988, tại công an tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: số 65A Phan Ngọc Hiền, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Sở hữu 2.300 cổ phần và đại diện cho 27.200 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân.

5/ - Ông Nguyễn Hữu Phúc - Sinh này: 24/01/1962
- CMND số: 022748358, cấp ngày 17/9/2003, tại công an thành phố Hồ Chí Minh

- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: số 183 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Sở hữu 24.936 cổ phần.

Điều 45: Hiệu lực của điều lệ

1. Điều lệ này gồm 15 chương, 45 điều, trình bày trong 28 trang, được thông qua một cách hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 30 tháng 9 năm 2005. Được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2008, Đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2009 và Đại hội đồng cổ đông ngày 07/5/2011.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

3. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

4. Điều lệ này được lập thành 08 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- b. 01 bản lưu tại trụ sở của công ty
- c. 05 bản cho từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty
- d. 01 bản cho trưởng ban kiểm soát.

ĐD. Hội đồng quản trị Công ty
Chủ tịch



Lê Thanh Hải

ĐD. Pháp nhân Công ty
Giám đốc



Nguyễn Minh Hòa